

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 13/01/2025

V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Văn Khỏe**
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Huỳnh Văn Thanh**
2. Bà **Lê Thị Vân**

- Thư ký phiên toà: Bà **Phan Thị Diễm Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày **13** tháng **01** năm **2025** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số **597/2024/TLST-HNGĐ** ngày 19/11/2024 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/12/2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Anh **Trương Ngọc Q**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị Đ xin vắng mặt; anh Q vắng mặt không rõ lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 05/11/2024 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Do tìm hiểu quen biết trước chị Đ và anh Q xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2006 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T theo giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 24/4/2006. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 xảy ra mâu thuẫn do không hòa hợp nhau về tính tình nên thường cãi nhau, vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2024 cho đến nay. Do cuộc sống vợ chồng sống không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn đoàn tụ lại được nên chị Đ yêu cầu ly hôn với anh Q.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Ngọc Yến N, sinh ngày 03/4/2007 và Trương Ngọc Yến L, sinh ngày 20/3/2017. Sau khi ly hôn, chị Đ yêu cầu nuôi hết 02 con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 17/12/2024 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trương Văn Q1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian kết hôn, có đăng ký kết hôn như chị Đ trình bày là đúng. Trong thời gian chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì trầm trọng, vợ chồng mới ly thân từ tháng 10/2024 cho đến nay. Do anh Q1 còn tình cảm với chị Đ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Ngọc Yến N, sinh ngày 03/4/2007 và Trương Ngọc Yến L, sinh ngày 20/3/2017. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị Đ ly hôn thì anh Q1 yêu cầu được nuôi con chung tên Trương Ngọc Yến L, giao cháu Trương Ngọc Yến N cho chị Đ nuôi, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Tài sản và nợ chung: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ xin vắng mặt; Bị đơn anh Trương Ngọc Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có mặt để dự phiên tòa mà không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Đ, anh Q là có căn cứ đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Do tìm hiểu quen biết trước chị Đ và anh Q xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2006 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T theo giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 24/4/2006. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 xảy ra mâu thuẫn do không hòa hợp nhau về tính tình nên thường cãi nhau, vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2024 cho đến nay. Do cuộc sống vợ chồng sống không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn đoàn tụ lại được nên chị Đ yêu cầu ly hôn với anh Q. Bị đơn anh Q không đồng ý ly hôn mong vợ chồng hàn gắn đoàn tụ.

Xét, sau khi chị Đ với anh Q xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2006, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian cho đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên thường xuyên cãi nhau. Bị đơn anh Q cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng không lớn, nhưng từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay anh Q không còn quan tâm đến cuộc sống vợ chồng, không qua năn nỉ chị Đ để hàn gắn lại, trong quá trình giải quyết vụ án anh Q không đưa ra được

giải pháp nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng. Từ những tình tiết này, đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử nhận định tình trạng hôn nhân giữa chị Đ với anh Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Ngọc Yến N, sinh ngày 03/4/2007 và Trương Ngọc Yến L, sinh ngày 20/3/2017. Khi ly hôn chị Đ yêu cầu nuôi 02 con chung; anh Q yêu cầu nuôi cháu L, giao cháu N cho chị Đ nuôi dưỡng. Xét, việc giao con chưa thành niên cho ai chăm sóc nuôi dưỡng phải xem xét mọi mặt, điều kiện phát triển của con sau này, từ khi chị Đ với anh Q ly thân đến nay 02 con chung do chị Đ nuôi dưỡng đã ổn định cuộc sống đảm bảo về mọi mặt, hiện tại chị Đ có công việc ổn định thu nhập mỗi tháng 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm ngàn đồng) đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Mặt khác, theo lời khai 02 con chung có nguyện vọng được sống chung với chị Đ khi chị Đ và anh Q ly hôn. Do cháu L là cháu gái nên điều kiện phát triển và tâm sinh lý của cháu gái phải do người mẹ trực tiếp quan tâm chăm sóc nuôi dưỡng sẽ tốt hơn, hiện tại 02 con chung do chị Đ đang chăm sóc nuôi dưỡng nếu tách ra thì sẽ ảnh hưởng đến tình cảm của 02 cháu và ảnh hưởng đến việc học tập, chuyển trường lớp. Do đó, để ổn định cuộc sống cho con chung nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu L và cháu N cho chị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Q yêu cầu nuôi cháu L là không có căn cứ chấp nhận. Chị Đ không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Đ căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án nên chị Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn với anh Trương Ngọc Q.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Trương Ngọc Yến N, sinh ngày 03/4/2007 và Trương Ngọc Yến L, sinh ngày 20/3/2017 cho chị Đ tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Đ không có yêu cầu. Anh Q có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002673 ngày 19/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, nên xem như chị Đ đã nộp xong tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Đ, anh Trương Ngọc Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Tam Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Khỏe

